

Bản án số: 261/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát
Ông Phạm Văn Hề

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3529/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 4312 đường NCP, phường TT A, quận BT, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Lu, Hao – C, sinh năm 1967.

Địa chỉ tại nước Đài Loan Trung Quốc: 835/30/10F Lộ Trung Hoa, Khóm 001, phường Thạch Lỗi, Khu Tân Ốc, thành phố Đào Viên, Đài Loan Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Bùi Thị L trình bày:

Bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C kết hôn năm 2023 theo giấy chứng nhận kết hôn số 225/2023 ngày 30/11/2023 do Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình và lối sống khác biệt nhau, ông Lu, Hao – C trở về nước Đài Loan Trung Quốc sinh sống và làm việc, bà Bùi Thị L vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam, từ đó vợ chồng ít liên lạc nhau cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn ông Lu, Hao – C.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/3/2024, ông Lu, Hao – C trình bày:

Ông Lu, Hao – C đồng ý thống nhất trình bày của bà Bùi Thị L về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Lu, Hao – C có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lu, Hao – C đồng ý ly hôn bà Bùi Thị L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Lu, Hao – C, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lu, Hao – C đang cư trú tại nước Đài Loan Trung Quốc, nguyên đơn bà Bùi Thị L cư trú tại quận BT, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Bùi Thị L, bị đơn ông Lu, Hao – C tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị L và bị đơn ông Lu, Hao – C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L đối với bị đơn ông Lu, Hao – C, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 225/2023 ngày 30/11/2023 do Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố H cấp cho bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn ông Lu, Hao – C với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình và lối sống khác biệt nhau, ông Lu, Hao – C trở về nước Đài Loan Trung Quốc sinh sống và làm việc, bà Bùi Thị L vẫn sinh sống và làm

việc tại Việt Nam, từ đó vợ chồng ít liên lạc nhau cho đến nay. Đối với ông Lu, Hao – C cũng thừa nhận trình bày của bà Bùi Thị L là đúng và đồng ý ly hôn bà Bùi Thị L. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L ly hôn ông Lu, Hao – C theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L đối với bị đơn ông Lu, Hao – C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L ly hôn ông Lu, Hao – C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225/2023 ngày 30/11/2023 do Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố H cấp cho bà Bùi Thị L và ông Lu, Hao – C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004079 ngày 05/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Về quyền kháng cáo Bản án:

Bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Lu, Hao – C cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND Q.BT, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức**